

Bản án số: **83/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 27 - 9 - 2024

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Quang Toán

Ông Nguyễn Đức Nhâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Duy Minh Hà – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án thụ lý số 47/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21/6/2024 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST – HNGĐ, ngày 19/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST – HNGĐ, ngày 11/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Anh Sầm Xuân L (tên gọi khác: Sầm Văn L), sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện Na H, tỉnh Tuyên Quang.

(Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh có mặt; bị đơn anh Sầm Xuân L vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Sầm Xuân L (Sầm Văn L) tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và chung sống với nhau từ năm 2001, đến ngày 30/11/2016 mới đến UBND xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang thực hiện việc đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống tại thôn P, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến khoảng đầu năm 2023 thì bắt đầu phát sinh

mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình, anh L thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng thêm nên vợ chồng chị đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Sầm Xuân L đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ, nuôi dạy con cái trưởng thành được nữa. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sầm Xuân L, để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống hạnh phúc của riêng mình.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Sầm Xuân L có 03 con chung là cháu Sầm Thị H, sinh ngày 16/01/2004; cháu Sầm Thị X, sinh ngày 12/9/2005 và cháu Sầm Minh T, sinh ngày 16/10/2016. Hiện tại các cháu Sầm Thị H và Sầm Thị X đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất và có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Sầm Minh T thì kể từ khi vợ chồng ly thân cháu vẫn sống cùng với anh Sầm Xuân L nên khi ly hôn chị nhất trí giao cháu Sầm Minh T cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp anh L không nhận nuôi cháu Tuệ thì chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sầm Minh T đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Sầm Xuân L phải cấp dưỡng đối với cháu Sầm Minh T.

Về tài sản, đất đai chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị chưa tạo lập được tài sản, đất đai gì chung, do đó chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong Bản tự khai, bị đơn anh Sầm Xuân L (Sầm Văn L) trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Nh chung sống với nhau từ năm 2002, đến ngày 30/11/2016 mới đến UBND xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang thực hiện việc đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, chị Nh không còn ở nhà mà đã đi làm thuê tại tỉnh Bắc Ninh. Anh xác định tình cảm vợ chồng với chị Nguyễn Thị Nh đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên nhất trí ly hôn với chị Nguyễn Thị Nh.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Nguyễn Thị Nh có 03 con chung là Sầm Thị H, sinh năm 2004; Sầm Thị X, sinh năm 2005 và Sầm Minh T, sinh năm 2016. Đối với các con Sầm Thị H và Sầm Thị X đã đủ tuổi trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Sầm Minh T còn nhỏ, nên khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị Nguyễn Thị Nh phải cấp dưỡng đối với cháu Sầm Minh T.

Về tài sản, đất đai chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có tạo lập được một số tài sản, đất đai chung nhưng sẽ tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương, kết quả thể hiện: Chị Nguyễn Thị Nh và anh Sầm Xuân L hiện có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Chị Nh và anh L tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn P, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến khoảng đầu năm 2023 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Chị Nh và anh L đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Do đó chính quyền địa phương nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nh và anh L đã đến mức trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nh theo quy định của pháp luật. Về con chung vợ chồng chị Nh, anh L có 03 con chung là cháu Sầm Thị H, sinh ngày 16/01/2004; cháu Sầm Thị X, sinh ngày 12/9/2005 và cháu Sầm Minh T, sinh ngày 16/10/2016. Hiện tại các cháu Sầm Thị H, Sầm Thị X đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất. Hiện nay chỉ còn cháu Sầm Minh T còn nhỏ, kể từ khi vợ chồng chị Nh và anh L sống ly thân thì cháu T vẫn sống cùng anh L và được anh L chăm sóc, cho học hành đầy đủ. Về tài sản, đất đai, vay nợ chung của vợ chồng chị Nh, anh L cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được. Mặc dù có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang nhưng anh L làm nghề tự do nên thường xuyên đi làm xa, thỉnh thoảng mới về nhà nhưng anh L không làm thủ tục khai báo tạm trú, tạm vắng nên địa phương không nắm được hiện tại anh L đang làm nghề gì, ở địa chỉ cụ thể như thế nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Sầm Xuân L chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình (vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn với anh Sầm Xuân L (Sầm Văn L).

+ Về con chung: Giao cháu Sầm Minh T, sinh ngày 16/10/2016 cho anh Sầm Xuân L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Nh không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

Đối với các con chung là Sầm Thị H, sinh ngày 16/01/2004 và Sầm Thị X, sinh ngày 12/9/2005 đến thời điểm xét xử đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất và có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân nên các đương sự không yêu cầu giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản, đất đai chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn toàn bộ do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn anh Sầm Xuân L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Nguyễn Thị Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn với anh Sầm Xuân L, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Sầm Xuân L có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn P, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Na Hang thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại gia đình và địa phương cho thấy bị đơn anh Sầm Xuân L có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn anh Sầm Xuân L. Anh Sầm Xuân L làm nghề tự do, thường xuyên đi làm xa, nhưng không thông báo tạm trú, tạm vắng cho chính quyền địa phương biết, thỉnh thoảng mới về nhà tại thôn P, xã Y nhưng không thông báo địa chỉ mới nên chính quyền địa phương không rõ anh Sầm Xuân L hiện đang làm gì, ở đâu. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các tài liệu tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập; Thông báo về việc mở phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định của pháp luật, mặc

dù anh Sầm Xuân L đã biết được việc chị Nguyễn Thị Nh khởi kiện xin ly hôn với mình, nhưng anh L không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ anh Sầm Xuân L đến tham gia phiên tòa (gửi qua đường Bưu điện, niêm yết công khai) 02 lần nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng. Như vậy đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình che dấu địa chỉ, cố tình vắng mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ của mình. Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn và xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 179, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Sầm Xuân L chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình (vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nh và anh Sầm Xuân L (tên gọi khác: Sầm Văn L) tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 30/11/2016. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau ngày cưới hai vợ chồng về chung sống tại thôn P, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau đó dần phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tính không hợp nhau, vợ chồng không có sự bàn bạc, thống nhất trong làm ăn, phát triển kinh tế gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng hơn dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân với nhau từ đầu năm 2023 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Cả chị Nh và anh L đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể quay về đoàn tụ. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Nh và anh Sầm Xuân L đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn với anh Sầm Xuân L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Các đương sự xác định quá trình chung sống có 03 con chung là Sầm Thị H, sinh ngày 16/01/2004; Sầm Thị X, sinh ngày 12/9/2005 và Sầm Minh T, sinh ngày 16/10/2016. Đối với các con chung là Sầm Thị H và Sầm Thị X đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất và có đủ khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không xem xét.

Đối với con chung là cháu Sầm Minh T, chưa đủ tuổi trưởng thành. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh xác định kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu T vẫn sống cùng anh Lộc nên khi ly hôn chị nhất trí giao cháu T cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng. Trong bản tự khai, bị đơn anh

Sầm Xuân L cũng xác định kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu T vẫn sống cùng anh nên khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị Nguyễn Thị Nh phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Sầm Minh T. Tòa án không lấy được lời khai của cháu Sầm Minh T để xác định cháu Tuệ có nguyện vọng ở cùng với bố hay ở với mẹ. Tuy nhiên, qua kết quả xác định tại địa phương cũng thể hiện kể từ khi vợ chồng chị Nh và anh L sống ly thân thì cháu Sầm Minh T vẫn sống cùng anh L và được anh L chăm sóc nuôi dưỡng, cho học hành đầy đủ. Do vậy, để đảm bảo cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên và không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con, cần giao cháu Sầm Minh T cho anh Sầm Xuân L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Nh không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản, đất đai chung: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh xác định không có tài sản, đất đai chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; trong Bản tự khai, bị đơn anh Sầm Xuân L xác định quá trình chung sống giữa anh và chị Nh có tạo lập được một số tài sản, đất đai chung nhưng đề nghị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặc dù có sự mâu thuẫn trong lời khai của các đương sự trong việc xác định có hay không có tài sản chung. Tuy nhiên, cả hai đương sự đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết việc phân chia tài sản trong vụ án này mà dành quyền khởi kiện phân chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân cho các đương sự trong vụ án khác, nếu các bên có yêu cầu.

* Về vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được miễn do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn anh Sầm Xuân L không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn với anh Sầm Xuân L (Sầm Văn L) (*Giấy chứng nhận kết hôn số 39, ngày 30/11/2016 tại UBND xã Y, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Về con chung: Giao cháu Sầm Minh T, sinh ngày 16/10/2016 cho anh Sầm Xuân L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Nh không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

Đối với các con chung là Sầm Thị H, sinh ngày 16/01/2004; Sầm Thị X, sinh ngày 12/9/2005 đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất và có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân nên các đương sự không yêu cầu giải quyết, do đó không xem xét.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh. Bị đơn anh Sầm Xuân L không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Sầm Xuân L được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Hữu San